

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-8-2020  
V/v: “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Đạt.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cao Hoài Hiêm.
2. Bà Dương Thị Mỹ Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp BN, xã ĐT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*Bị đơn:* Anh Phan Ngọc D, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp BN, xã ĐT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn trình bày:*

Sau thời gian 2 tháng tìm hiểu, chị và anh D tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh vào ngày 20 tháng 02 năm 2008. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng ấp BN, xã ĐT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, sau đó cả hai đi thuê nhà trọ ở để làm công nhân ở tỉnh Bình Dương, được 01 năm, hai vợ chồng trở về cất nhà trên đất cha mẹ chồng ở đến năm 2015 hai bên có mâu thuẫn tình

cảm, tính tình không hòa hợp, đến năm 2017 chị đi hợp tác lao động ở Nhật Bản trở về chị mở trang trại chăn nuôi cho đến nay, thời gian chung sống hai vợ chồng không tạo được tài sản gì và cũng không nợ ai, quá trình chung sống có 02 con chung tên Phan Thế V, sinh ngày 24-9-2008 và Phan Thế Q, sinh ngày 05-9-2014, hiện chị đang nuôi. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị xin tiếp tục nuôi 02 cháu Phan Thế V, sinh ngày 24-9-2008 và Phan Thế Q, sinh ngày 05-9-2014, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Phan Ngọc D trình bày:* Anh thừa nhận về thời gian chung sống, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là như chị Đ trình bày là đúng. Riêng thời gian xảy ra mâu thuẫn là từ năm 2016, nguyên nhân do hai bên không hòa hợp dẫn đến ly thân từ đó. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn anh đồng ý, về tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu đặt ra giải quyết, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi 02 cháu Phan Thế V, sinh ngày 24-9-2008 và Phan Thế Q, sinh ngày 05-9-2014, anh không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng.*

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án: Việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Đ đối với anh Phan Ngọc D. Chị Lê Thị Đ được ly hôn anh Phan Ngọc D.

Về con chung: Giao chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Thế V, sinh ngày 24-8-2008 và Phan Thế Q, sinh ngày 05-9-2014. Ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Đ phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng:**

Chị Đ yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh D. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Phan Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về hôn nhân:** Sau thời gian 2 tháng tìm hiểu, chị Đ và anh D tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh vào ngày 20 tháng 02 năm 2008 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn thời gian đầu anh chị chung sống tại nhà cha mẹ anh D tại ấp BN, xã ĐT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, sau đó cả hai đi thuê nhà trọ ở để làm công nhân ở tỉnh Bình Dương, được 01 năm, hai vợ chồng trở về xây nhà trên đất cha mẹ chồng ở đến năm 2015 hai bên có mâu thuẫn về tình cảm, tính tình không hòa hợp sống ly thân, đến năm 2017 chị Đ đi hợp tác lao động ở Nhật Bản trở về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay, khi đó anh Phan Ngọc D xác nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn năm 2016 và sống ly thân từ đó và hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Đ nhưng do điều kiện đi làm công nhân không nghỉ được nên anh có đơn xin giải quyết vắng mặt nên nay Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Đ đối với anh Phan Ngọc D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

**[3] Về con chung:** Anh chị có 02 cháu Phan Thế V, sinh ngày 24-9-2008 và Phan Thế Q, sinh ngày 05-9-2014, hiện 02 cháu đang sống với chị Lê Thị Đ. Chị Đ mở trại chăn nuôi tại địa phương, cùng địa phương (gần nhà) với anh D và theo nguyện vọng của cháu Phan Thế V muốn sống với mẹ. Anh Phan Ngọc D đang đi làm công nhân nên yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu của chị Đ và 02 cháu hiện đang sống với chị Đ. Do đó, giao cháu Phan Thế V và Phan Thế Q cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng không làm thay đổi môi trường sinh hoạt của 02 cháu nên yêu cầu nuôi dưỡng 02 cháu của chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Lê Thị Đ có cơ sở kinh doanh, có đủ điều kiện nuôi con nên chị Đ không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp nên cần ghi nhận.

**[4] Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

**[5] Về án phí:** Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Đ đối với anh Phan Ngọc D. Chị Lê Thị Đ được ly hôn anh Phan Ngọc D.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thế V, sinh ngày 24-8-2008 và Phan Thế Q, sinh ngày 05-9-2014 cho chị Lê Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Đ không yêu cầu, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Đ đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018339 ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (chị Đ đã nộp đủ án phí).

Báo cho chị Đ được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã ĐT;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Tấn Đạt**